



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13 tháng 5 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mípec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-08-2024

12
NG
HIỆP
PN
TÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-08-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

11/2024/CTNS/1.1.11



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00236-24-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2024**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.671.372.298.398	1.895.536.812.235
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	111.618.712.740	69.346.756.213
Tiền	111		111.618.712.740	69.346.756.213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		913.682.959.246	1.204.858.624.260
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.984.173.554)	(1.951.375.740)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	913.057.132.800	1.204.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		448.473.753.590	415.105.982.269
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	384.548.309.745	369.321.654.716
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.800.277.366	4.513.377.917
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	58.572.695.926	41.683.466.535
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(483.071.527)	(448.724.049)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.542.080	36.207.150
Hàng tồn kho	140	12	162.359.435.924	175.751.641.472
Hàng tồn kho	141		162.359.435.924	175.751.641.472
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.237.436.898	30.473.808.021
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.869.948.624	5.144.542.288
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.308.896.860	23.874.727.692
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	20	1.058.591.414	1.454.538.041

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.197.100.360.817	640.381.829.366
Các khoản phải thu dài hạn	210		156.202.408	181.468.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	30.153.000	82.919.000
Phải thu dài hạn khác	216		126.049.408	98.549.408
Tài sản cố định	220		284.895.404.953	299.420.758.895
Tài sản cố định hữu hình	221	13	218.711.134.163	232.995.541.257
Nguyên giá	222		940.598.959.089	937.925.424.428
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(721.887.824.926)	(704.929.883.171)
Tài sản cố định vô hình	227	14	66.184.270.790	66.425.217.638
Nguyên giá	228		80.717.609.184	80.717.609.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.533.338.394)	(14.292.391.546)
Bất động sản đầu tư	230	15	6.187.027.883	6.278.324.549
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.856.137.382)	(2.764.840.716)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.791.972.892	8.324.394.154
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	9.791.972.892	8.324.394.154
Đầu tư tài chính dài hạn	250		642.800.000.000	77.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	642.800.000.000	77.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		253.269.752.681	249.176.883.360
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	248.436.881.776	244.495.501.779
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	4.832.870.905	4.681.381.581
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.868.472.659.215	2.535.918.641.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.036.669.503.907	1.666.953.675.858
Nợ ngắn hạn	310		1.976.122.931.729	1.601.285.862.840
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	575.351.103.848	318.355.602.047
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.033.357.520	23.295.126.878
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	15.529.448.377	15.744.332.396
Phải trả người lao động	314		43.129.224.092	52.214.751.379
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	10.545.292.515	4.892.878.485
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		50.727.273	55.055.877
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	87.622.438.670	20.591.738.714
Vay ngắn hạn	320	23	1.211.786.323.960	1.163.262.120.514
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	15.075.015.474	2.874.256.550
Nợ dài hạn	330		60.546.572.178	65.667.813.018
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	60.546.572.178	65.667.813.018
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		831.803.155.308	868.964.965.743
Vốn chủ sở hữu	410	25	831.803.155.308	868.964.965.743
Vốn cổ phần	411	26	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		156.674.720.641	156.674.720.641
Lợi nhuận sau thuế/("LNST") chưa phân phối	421		60.390.145.254	95.013.940.939
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(291.106.412)	(286.564.246)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		60.681.251.666	95.300.505.185
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.361.609.413	13.899.624.163
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.868.472.659.215	2.535.918.641.601

29-08-2024

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	2.055.345.365.510	1.791.625.617.029
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	38.055.659.639	42.067.841.196
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	2.017.289.705.871	1.749.557.775.833
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.673.559.328.714	1.444.529.045.967
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		343.730.377.157	305.028.729.866
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	43.234.283.775	47.442.524.820
Chi phí tài chính	22	32	26.876.896.030	41.845.299.437
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.054.911.531</i>	<i>38.988.829.839</i>
Chi phí bán hàng	25	33	183.750.794.264	176.430.227.201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	96.314.589.949	58.234.385.073
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		80.022.380.689	75.961.342.975
Thu nhập khác	31		496.166.128	1.811.440.099
Chi phí khác	32		51.210.888	614.694.553
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		444.955.240	1.196.745.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		80.467.335.929	77.158.088.521
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	16.881.778.859	16.397.010.972
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(151.489.324)	544.489.335
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		63.737.046.394	60.216.588.214

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		63.737.046.394	60.216.588.214
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		60.681.251.666	56.637.736.864
Cổ đông không kiểm soát	62		3.055.794.728	3.578.851.350
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	816	766

29 -08- 2024

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	80.467.335.929	77.158.088.521
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	20.337.224.431	22.722.290.101
Các khoản dự phòng	03	67.145.292	(15.762.085.978)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.814.487	357.200.281
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.833.449.283)	(43.069.140.789)
Chi phí lãi vay	06	20.054.911.531	38.988.829.839
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	78.124.982.387	80.395.181.975
Biến động các khoản phải thu	09	(20.698.490.846)	74.273.167.293
Biến động hàng tồn kho	10	13.392.205.548	38.890.635.559
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	231.198.826.928	(196.715.477.102)
Biến động chi phí trả trước	12	(6.995.351.441)	13.849.808.641
		295.022.172.576	10.693.316.366
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.344.763.700)	(37.338.635.713)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.260.914.511)	(19.195.658.975)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.976.836.901)	(19.962.395.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	252.439.657.464	(65.803.373.566)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.609.184.157)	(27.701.888.262)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	210.592.592	616.346.711
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(722.957.132.800)	(1.157.500.000.000)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	448.300.000.000	1.116.900.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	26.677.748.746	61.606.374.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(253.377.975.619)	(6.079.167.227)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.366.788.490.016	1.569.003.481.988
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.318.264.286.570)	(1.332.817.289.247)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của công ty mẹ	36	-	(72.403.571.520)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(5.314.119.004)	(5.231.202.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.210.084.442	158.551.419.034
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	42.271.766.287	86.668.878.241
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	69.346.756.213	51.142.685.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	190.240	57.777
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	111.618.712.740	137.811.621.887

29 -08- 2024

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2024: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2024 và 1/1/2024	
		% sở hữu	
		và % quyền	
	Hoạt động chính	Địa chỉ	biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có 1.106 nhân viên (1/1/2024: 1.082 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
▪ tài sản khác	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí san lấp và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng. Chi phí san lấp được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 44 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10 / 1
Ác
/ 1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự nhau.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

042
TY
HỮU
G
T.P

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Tổng Công ty không có sự thay đổi đáng kể nào về cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.566.257.570	4.745.098.670
Tiền gửi ngân hàng	103.183.084.408	64.601.657.543
Tiền đang chuyển	1.869.370.762	-
	<hr/>	<hr/>
	111.618.712.740	69.346.756.213
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2024	
			Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	625.826.446	(1.984.173.554)

	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2024	
			Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	658.624.260	(1.951.375.740)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	913.057.132.800	913.057.132.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	642.800.000.000	(**)
	<u>1.555.857.132.800</u>	
	1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.204.200.000.000	1.204.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	77.000.000.000	(**)
	<u>1.281.200.000.000</u>	

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (**) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngắn hạn	384.548.309.745	369.321.654.716
Dài hạn	30.153.000	82.919.000
	384.578.462.745	369.404.573.716

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Xăng Dầu Lâm Đồng	6.457.755.867	6.931.231.572
Công ty TNHH Xăng dầu Điện Biên	6.044.716.263	3.641.356.190
Công ty TNHH Xăng dầu Phú Thọ	5.694.653.322	6.703.202.998
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai	3.484.626.933	4.677.721.350
Công ty TNHH Xăng dầu Quảng Bình	3.344.333.601	3.413.656.964
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam khác	64.920.961.292	73.767.894.907
	89.947.047.278	99.135.063.981

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi tiền gửi	45.246.960.821	29.301.852.876
Phải thu người lao động	9.027.431.528	7.933.638.626
Phải thu ngắn hạn khác	4.298.303.577	4.447.975.033
	58.572.695.926	41.683.466.535

12. Hàng tồn kho

	30/6/2024 Giá gốc VND	1/1/2024 Giá gốc VND
Hàng mua đang đi trên đường	78.476.649	42.877.241.130
Nguyên vật liệu	43.274.587.789	42.892.078.285
Công cụ và dụng cụ	1.194.565.681	998.357.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.656.619.065	6.017.177.832
Thành phẩm	5.270.689.194	2.221.681.417
Hàng hóa	110.884.497.546	77.588.069.571
Hàng gửi bán	-	3.157.035.329
	162.359.435.924	175.751.641.472

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	401.311.899.905	390.396.086.602	123.512.645.414	17.474.994.690	5.229.797.817	937.925.424.428
Tăng trong kỳ	149.074.074	899.843.296	-	202.050.000	170.671.405	1.421.638.775
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	130.935.000	213.990.373	2.625.444.567	-	-	2.970.369.940
Thanh lý	(512.646.500)	-	(908.775.809)	(297.051.745)	-	(1.718.474.054)
Số dư cuối kỳ	401.079.262.479	391.509.920.271	125.229.314.172	17.379.992.945	5.400.469.222	940.598.959.089
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	280.153.022.434	313.747.071.832	91.796.261.739	14.655.566.412	4.577.960.754	704.929.883.171
Khấu hao trong kỳ	6.051.020.956	7.780.451.759	4.084.197.974	617.661.533	143.083.587	18.676.415.809
Thanh lý	(512.646.500)	-	(908.775.809)	(297.051.745)	-	(1.718.474.054)
Số dư cuối kỳ	285.691.396.890	321.527.523.591	94.971.683.904	14.976.176.200	4.721.044.341	721.887.824.926
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	121.158.877.471	76.649.014.770	31.716.383.675	2.819.428.278	651.837.063	232.995.541.257
Số dư cuối kỳ	115.387.865.589	69.982.396.680	30.257.630.268	2.403.816.745	679.424.881	218.711.134.163

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 360.435 triệu VND (1/1/2024: 335.938 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	68.773.710.448	11.943.898.736	80.717.609.184
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.065.879.862	11.226.511.684	14.292.391.546
Khấu hao trong kỳ	104.121.786	136.825.062	240.946.848
Số dư cuối kỳ	3.170.001.648	11.363.336.746	14.533.338.394
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	65.707.830.586	717.387.052	66.425.217.638
Số dư cuối kỳ	65.603.708.800	580.561.990	66.184.270.790

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 10.592 triệu VND (1/1/2024: 10.592 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.063.910.001	700.930.715	2.764.840.716
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	2.133.480.001	722.657.381	2.856.137.382
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.893.495.469	1.384.829.080	6.278.324.549
Số dư cuối kỳ	4.823.925.469	1.363.102.414	6.187.027.883

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	8.324.394.154	44.632.060.911
Tăng trong kỳ	4.437.948.678	12.565.463.465
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(2.970.369.940)	(50.939.766.654)
Số dư cuối kỳ	9.791.972.892	6.257.757.722

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công trình kho LPG Quảng Bình	6.918.762.292	6.047.290.017
Lắp đặt bồn chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	1.532.422.413	1.532.422.413
Website bán hàng qua tổng đài và quản lý chăm sóc khách hàng	245.000.000	-
Các công trình khác	1.095.788.187	744.681.724
	9.791.972.892	8.324.394.154

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	200.263.536.616	22.168.800.365	22.063.164.798	244.495.501.779
Tăng trong kỳ	28.381.975.507	1.341.071.256	4.461.989.161	34.185.035.924
Phân bổ trong kỳ	(24.354.942.176)	(1.328.565.108)	(4.548.960.445)	(30.232.467.729)
Thanh lý	(4.394.031)	-	(6.794.167)	(11.188.198)
Số dư cuối kỳ	204.286.175.916	22.181.306.513	21.969.399.347	248.436.881.776

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	4.832.870.905	4.681.381.581

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	666.967.311	354.500.998
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	361.903.294.464	126.882.007.306
Công ty TNHH EI Corporation	106.185.223.241	108.654.052.518
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	38.417.375.219	42.886.335.624
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	10.814.348.949	10.814.348.949
Các nhà cung cấp khác	57.363.894.664	28.764.356.652
	575.351.103.848	318.355.602.047

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.814.993.884	604.099.432.202	(606.125.972.950)	-	2.788.453.136
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.104.155.298	62.284.768.679	(61.049.101.429)	-	2.339.822.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(352.868.260)	6.678.476.948	16.881.778.859	(13.260.914.511)	-	9.946.473.036
Thuế thu nhập cá nhân	(568.507.474)	611.377.021	2.826.425.704	(3.795.634.684)	(1.058.591.414)	132.251.981
Thuế nhập khẩu	-	2.535.329.245	10.299.827.725	(12.512.709.294)	-	322.447.676
Thuế khác	(533.162.307)	-	1.555.058.500	(1.021.896.193)	-	-
	(1.454.538.041)	15.744.332.396	697.947.291.669	(697.766.229.061)	(1.058.591.414)	15.529.448.377

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay	2.595.343.730	885.195.899
Trích trước chi phí hoạt động	7.949.948.785	4.007.682.586
	<hr/> 10.545.292.515	<hr/> 4.892.878.485

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.946.604.051	2.991.300.114
Cổ tức phải trả Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	37.925.158.800	-
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	34.802.467.700	320.484.500
Hàng mượn Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	-	11.663.496.130
Tài sản thừa chờ xử lý	3.477.727.103	-
Phải trả ngắn hạn khác	7.470.481.016	5.616.457.970
	<hr/> 87.622.438.670	<hr/> 20.591.738.714

Tổng Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các cổ đông khác trong tháng 7 năm 2024.

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.163.262.120.514	1.366.788.490.016	(1.318.264.286.570)	1.211.786.323.960

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Bank of China	VND	44.178.000.000	297.413.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	244.181.940.075	234.921.034.428
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	566.081.585.676	237.070.412.048
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	199.133.349.296
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	157.379.438.181	170.288.711.319
Ngân hàng BNP Paribas	VND	199.965.360.028	24.435.613.423
		1.211.786.323.960	1.163.262.120.514

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	2.874.256.550	3.599.570.318
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	23.177.595.825	21.061.890.676
Sử dụng trong kỳ	(10.976.836.901)	(19.962.395.244)
Số dư cuối kỳ	15.075.015.474	4.699.065.750

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	603.426.380.000	(49.700.000)	146.665.416.338	48.611.089.803	8.632.807.410	807.285.993.551
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.637.736.864	3.578.851.350	60.216.588.214
Phân bổ vào các quỹ	-	-	10.009.304.303	(10.009.304.303)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	(20.786.564.246)	(275.326.430)	(21.061.890.676)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(18.101.785.500)	(1.066.202.187)	(19.167.987.687)
Số dư tại ngày 30/6/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	56.351.172.618	10.870.130.143	827.272.703.402
Số dư tại ngày 1/1/2024	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	95.013.940.939	13.899.624.163	868.964.965.743
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.681.251.666	3.055.794.728	63.737.046.394
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	(22.897.905.351)	(279.690.474)	(23.177.595.825)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(72.407.142.000)	(5.314.119.004)	(77.721.261.004)
Số dư tại ngày 30/6/2024	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	60.390.145.254	11.361.609.413	831.803.155.308

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 về việc chia cổ tức năm 2023, tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2023 bằng tiền là 72.407 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 90.509 triệu VND trong đó có 72.407 triệu VND đã tạm ứng trong năm 2022).

28. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	23.190,13	583.879.564	45.939,24	1.106.211.500
Euro (“EUR”)	209,46	5.317.686	114,62	3.022.529
		<u>589.197.250</u>		<u>1.109.234.029</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	2.027.066.858.855	1.778.093.727.887
▪ Cung cấp dịch vụ	26.379.887.493	11.272.688.088
▪ Cho thuê	1.446.297.162	2.056.911.400
▪ Khác	452.322.000	202.289.654
	2.055.345.365.510	1.791.625.617.029
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(26.801.175.095)	(29.093.313.603)
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.254.484.544)	(12.974.527.593)
	(38.055.659.639)	(42.067.841.196)
Doanh thu thuần	2.017.289.705.871	1.749.557.775.833

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.649.073.669.112	1.433.737.714.011
▪ Cung cấp dịch vụ	23.634.965.211	8.716.229.578
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	850.694.391	839.252.279
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.235.850.099
	1.673.559.328.714	1.444.529.045.967

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.622.856.691	43.015.379.529
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	607.331.084	4.413.945.291
Doanh thu khác	4.096.000	13.200.000
	<hr/>	<hr/>
	43.234.283.775	47.442.524.820
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	20.054.911.531	38.988.829.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.757.372.198	2.460.622.549
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.814.487	357.200.281
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	32.797.814	38.646.768
	<hr/>	<hr/>
	26.876.896.030	41.845.299.437
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	51.041.589.177	46.936.412.766
Chi phí khấu hao	1.273.750.846	1.307.789.850
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	24.354.942.176	24.969.844.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.311.246.024	59.075.836.610
Chi phí bán hàng khác	45.769.266.041	44.140.343.773
	<hr/>	<hr/>
	183.750.794.264	176.430.227.201
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	52.784.079.214	20.670.050.731
Chi phí khấu hao	3.167.863.318	2.676.238.895
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	34.347.478	(131.507.689)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.911.826.797	12.909.201.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.416.473.142	22.110.401.602
	96.314.589.949	58.234.385.073

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	139.833.194.103	89.990.708.587
Chi phí nhân viên	139.852.577.156	104.055.226.397
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.337.224.431	22.722.290.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.101.897.815	82.262.993.806
Chi phí khác	123.267.226.329	104.207.168.815

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	16.865.785.526	16.397.010.972
Dự phòng thiếu trong những năm trước	15.993.333	-
	16.881.778.859	16.397.010.972
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(151.489.324)	544.489.335
	16.730.289.535	16.941.500.307

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.467.335.929	77.158.088.521
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	16.093.467.186	15.431.617.704
Chi phí không được khấu trừ thuế	620.829.016	1.509.882.603
Dự phòng thiếu trong những năm trước	15.993.333	-
	16.730.289.535	16.941.500.307

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	60.681.251.666	56.637.736.864
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(11.448.952.676)	(10.393.282.123)
	49.232.298.990	46.244.454.741
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	816	766

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 11.449 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2023.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Cổ tức đã trích	37.925.158.800	37.925.158.800
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	33.819.819.116	32.274.511.000
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	23.072.146.780	24.957.116.610
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	27.011.122.270	23.939.274.300
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	22.801.065.160	19.689.275.520
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	20.669.769.670	19.441.917.550
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	20.128.963.690	5.992.642.640
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	22.260.166.820	21.021.522.575
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	21.512.494.543	19.764.309.700
<i>Công ty Xăng dầu Lâm Đồng</i>		
Bán hàng hóa	21.744.098.834	19.441.155.972
<i>Công ty Xăng dầu Thanh Hóa</i>		
Bán hàng hóa	18.314.280.320	17.057.282.583
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	344.992.871.318	360.851.578.200

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2024 30/6/2023
VND VND

Hội đồng Quản trị

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch (từ ngày 17/5/2023)	336.049.970	121.459.150
Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (đến ngày 17/5/2023)	66.012.857	55.416.000
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên	43.937.100	48.820.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên (*)	250.338.979	415.267.831
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên (*)	245.297.333	290.707.364
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên	43.937.100	48.820.000

Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc (*)	250.338.979	415.267.831
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc (*)	245.297.333	290.707.364
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/7/2023)	-	290.707.364
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc	241.787.031	290.707.364
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc	245.593.824	290.707.364
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	43.937.100	27.592.000
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	225.131.596	145.967.728
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	186.098.053	251.090.994

Ban Kiểm soát

Lương và thù lao

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban	221.391.266	288.486.428
Bà Lê Thị Hải	Thành viên	174.240.599	203.175.475
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên	30.723.608	34.120.000

(*) Các ông Nguyễn Hữu Quang và ông Nguyễn Khắc Trí là thành viên kiêm nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và chỉ nhận lương cho vai trò thành viên Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

29-08-2024

Người lập:



Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

